

# THE SITUATION OF DEPRESSION, ANXIETY, STRESS IN STUDENTS OF SPECIALIZATION LEVEL I AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2022 AND SOME RELATED FACTORS

Nguyen Thi Lan<sup>1</sup>, Bui Viet Anh<sup>1\*</sup>, Tran Ngoc Anh<sup>1</sup>, Cao Thi Ngoc Anh<sup>1</sup>, Dinh Thai Son<sup>1</sup>,  
Tran Thanh Nam<sup>2</sup>, Tran Kim Thanh<sup>1</sup>, Doan Thi Thu Huyen<sup>1</sup>, Nguyen Ngoc Long<sup>1</sup>,  
Nguyen Thi Hong Hoa<sup>1</sup>, Nguyen Hong Tuoi<sup>1</sup>, Pham Thi Thanh Nhan<sup>1</sup>,  
Tran Nguyen Ngoc<sup>1</sup>, Le Hong Phuong<sup>1</sup>, Vo Thi Thuy Ha<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Hanoi Medical University - No. 1, Ton That Tung street, Dong Da, Hanoi, Vietnam

<sup>2</sup>University of Education - Hanoi National University - No. 182, Luong The Vinh street, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received: 06/11/2023

Revised: 30/11/2023; Accepted: 23/12/2023

## ABSTRACT

**Objective:** Describe the current situation of depression, anxiety, and stress in students of specialization level I at Hanoi Medical University in 2022 and associated factors.

**Research subjects and methods:** Cross-sectional descriptive study on 308 students of Specialization level I at Hanoi Medical University in 2022 selected for the study by convenience sampling method, using the DASS-21 scale (depression, anxiety, stress scale). Analyze data using STATA software.

**Results:** The rate of symptoms of depression, anxiety, and stress among students of specialization level I at Hanoi Medical University in 2022 is 37,01%; 39,61%; 27,60%. Factors related to symptoms of depression, anxiety, and stress of research subjects include marital status, frequent problems in relationships, chronic diseases, and pressure to study theory at school, clinical learning pressure, hospital duty and exam pressure, the relationships are statistically significant with  $p < 0.05$ .

**Conclusion:** Students of specialization level I have to endure stress during my studies, leading to symptoms of anxiety, depression, and stress. Therefore, managers need to develop lists of key supports to help specialist students deal with issues of depression, anxiety and stress at medical facilities.

**Keywords:** DASS 21, Anxiety, Depression, Stress, student of Specialization level I at Hanoi Medical University.

---

\*Corresponding author

Email address: buivietanh@hmu.edu.vn

Phone number: (+84) 914 929134

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i1.905>



# THỰC TRẠNG TRẦM CẢM, LO ÂU, TRESS Ở MỘT SỐ NHÓM HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA I ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2022 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Thị Lan<sup>1</sup>, Bùi Việt Anh<sup>1\*</sup>, Trần Ngọc Ánh<sup>1</sup>, Cao Thị Ngọc Anh<sup>1</sup>, Đinh Thái Sơn<sup>1</sup>, Trần Thành Nam<sup>2</sup>, Trần Kim Thanh<sup>1</sup>, Đoàn Thị Thu Huyền<sup>1</sup>, Nguyễn Ngọc Long<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Hồng Hoa<sup>1</sup>, Nguyễn Hồng Tươi<sup>1</sup>, Phạm Thị Thanh Nhàn<sup>1</sup>, Trần Nguyễn Ngọc<sup>1</sup>, Lê Hồng Phượng<sup>1</sup>, Võ Thị Thúy Hà<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Hà Nội - Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup>Đại học Giáo dục - Đại học Quốc Gia Hà Nội - Số 182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 06 tháng 11 năm 2023

Chỉnh sửa ngày: 30 tháng 11 năm 2023; Ngày duyệt đăng: 23 tháng 12 năm 2023

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng trầm cảm, lo âu, stress ở một số nhóm học viên chuyên khoa I Đại học Y Hà Nội năm 2022 và phân tích một số yếu tố liên quan.

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 308 học viên Chuyên khoa I của trường Đại học Y Hà Nội năm 2022 được lựa chọn vào nghiên cứu bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, sử dụng thang đo DASS-21 (thang đo trầm cảm, lo âu, stress). Phân tích số liệu bằng phần mềm STATA.

**Kết quả:** Tỷ lệ biểu hiện trầm cảm, lo âu, stress của học viên Chuyên khoa I trường Đại học Y Hà Nội năm 2022 lần lượt là 37,01%; 39,61%; 27,60%. Các yếu tố liên quan đến biểu hiện trầm cảm, lo âu, stress của đối tượng nghiên cứu bao gồm tình trạng hôn nhân, thường xuyên gặp rắc rối trong các mối quan hệ, bệnh mãn tính, áp lực việc học lý thuyết trên trường, áp lực việc học lâm sàng, trực tại bệnh viện và áp lực thi cử, các mối liên quan có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

**Kết luận:** Học viên Chuyên khoa I phải chịu căng thẳng trong quá trình học tập dẫn đến các biểu hiện lo âu, trầm cảm, stress. Do đó, các nhà quản lý cần xây dựng những chính sách hỗ trợ giúp học viên Chuyên khoa I có thể đối phó với các vấn đề trầm cảm, lo âu và stress tại cơ sở y tế.

**Từ khóa:** DASS 21, Lo âu, Trầm cảm, Stress, Học viên Chuyên khoa I Trường Đại học Y Hà Nội.

\*Tác giả liên hệ

Email: buivietanh@hmu.edu.vn

Điện thoại: (+84) 914 929134

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i1.905>

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, với chất lượng cuộc sống ngày càng được cải thiện, sức khỏe thể chất ngày càng được nâng cao, sức khỏe tâm thần trở thành mối quan tâm của mỗi người dân và cả cộng đồng. Sức khỏe tâm thần được Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO) định nghĩa là “trạng thái sức khỏe trong đó một cá nhân nhận thức được khả năng của chính mình, có thể đối phó với những stress bình thường của cuộc sống, có thể làm việc một cách năng suất và có thể đóng góp cho cộng đồng của mình”[1].

Y học là lĩnh vực đòi hỏi tâm lý cao và gắn liền với tình trạng sức khỏe tâm lý ở mức dưới mức tối ưu. Năm 1997, 77,5% trong số 40 nhân viên phụ trách nội vụ tại một bệnh viện công được báo cáo là gặp vấn đề về mặt tinh thần và 14 năm sau, 31% trong số 42 nhân viên phụ trách nội vụ tại một bệnh viện cho biết phải trải qua đau khổ về tâm lý[2]. Gần đây, hai nghiên cứu đã báo cáo tỷ lệ trầm cảm cao (42,9%), lo lắng (60,7%–63,7%) và căng thẳng (57,1%) trong số các viên chức nội vụ làm việc ở Malaysia. Tỷ lệ được báo cáo là cao so với những phát hiện từ các nước phương Tây, trong đó tỷ lệ đau khổ tâm lý dao động từ 7% đến 29%[3]. Tại Việt Nam, kết quả nghiên cứu “Thực trạng stress, lo âu, trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở sinh viên răng hàm mặt trường Đại học Y Hà Nội năm 2020 – 2021” của tác giả Nguyễn Việt Anh cho thấy tỷ lệ stress, lo âu và trầm cảm ở sinh viên răng hàm mặt, trường ĐHYHN lần lượt là 66,84%, 54,04% và 19,84%[4]. Ngoài ra, nghiên cứu của tác giả Bùi Thị Nhi cũng cho thấy tỷ lệ trầm cảm ở NVYT là 26,7% và tỷ lệ stress là 19,8%.

Đặc biệt, học viên chuyên khoa I của trường Đại học Y Hà Nội đa số đều là các bác sĩ đã và đang công tác tại các cơ sở y tế, do đó việc đối tượng này phải chịu căng thẳng trong quá trình học tập dẫn đến các tình trạng lo âu, trầm cảm, stress có thể gây ảnh hưởng tới kết quả cũng như là khả năng tiếp thu các kiến thức trong quá trình học tập từ đó có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế sau này. Mặc dù thế, các nghiên cứu về thực trạng lo âu, trầm cảm, stress mới chỉ được thực hiện trên đối tượng là sinh viên Y khoa chứ chưa có nghiên cứu nào thực hiện trên đối tượng này. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Thực trạng trầm cảm, lo âu, stress ở học viên chuyên khoa I Đại học Y Hà Nội năm 2022 và một số yếu tố liên quan” với mục đích mô tả thực trạng trầm cảm, lo âu, stress ở học viên chuyên khoa

I Đại học Y Hà Nội theo thang đo DASS 21 và phân tích một số yếu tố liên quan.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp mô tả cắt ngang.

### 2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2022 tại trường Đại học Y Hà Nội.

### 2.3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm các học viên Chuyên khoa I đang theo học tại Đại học Y Hà Nội và đồng ý tham gia nghiên cứu sau khi được giới thiệu và giải thích về nghiên cứu.

### 2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Nghiên cứu gồm 308 học viên chuyên khoa 1 của Đại học Y Hà Nội được lựa chọn vào nghiên cứu bằng phương pháp mẫu thuận tiện.

### 2.5. Phương pháp và công cụ thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng bộ công cụ DASS (Depression Anxiety Stress Scale) là bộ công cụ được sử dụng rộng rãi trong lâm sàng cũng như sàng lọc cộng đồng tại nhiều nước trên thế giới. Thang đo được dịch ra tiếng Việt và chuẩn hóa qua nghiên cứu bởi Trần Đức Thạch và cộng sự năm 2013[5]. DASS gồm 21 câu hỏi về 3 vấn đề liên quan đến sức khỏe tâm thần là trầm cảm (7 câu hỏi), lo lắng (7 câu hỏi) và stress (7 câu hỏi). Mỗi câu hỏi về một triệu chứng tương ứng với tình trạng sức khỏe tâm thần trong vòng 1 tuần qua theo thang điểm từ 0 đến 3 cho mỗi câu trả lời tương ứng tình trạng mà đối tượng cảm thấy trong vòng 1 tuần qua từ “Không đúng với tôi chút nào cả” đến “Hoàn toàn đúng với tôi, hoặc hầu hết thời gian là đúng”. Độ tin cậy của thang đo cũng đã được đánh giá là cho kết quả tốt với chỉ số Cronbach’s Alpha chung của bộ công cụ là 0,96 với các giá trị Cronbach’s alpha cho từng nhóm trầm cảm, lo âu, stress tương ứng là 0,88; 0,87; 0,92.

### 2.6. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được thu thập bằng phần mềm REDCap và được làm sạch, phân tích bằng phần mềm STATA



15.0 (StataCorp 2017, College Station, TX: StataCorp LLC). Các biến số được mô tả bằng tỷ lệ phần trăm đối với các biến định tính. Mô hình hồi quy logistic được sử dụng để xác định một số yếu tố liên quan đến trầm cảm, lo âu, stress ở học viên chuyên khoa I Đại học Y Hà Nội năm 2022. Tỷ số chênh (OR-Odds ratio) được báo cáo với 95% khoảng tin cậy. Mức ý nghĩa thống kê của giá trị p trong mô hình hồi quy đơn biến được chọn là nhỏ hơn 0,05.

## 2.7. Đạo đức nghiên cứu

Tất cả các đối tượng tham gia nghiên cứu đều được giải thích cụ thể về mục đích, nội dung nghiên cứu để đối tượng tham gia tự nguyện và cung cấp các thông tin chính xác. Tính ẩn danh và sự đồng ý của đối tượng nghiên cứu đã được đảm bảo.

## 3. KẾT QUẢ

**Bảng 1: Đặc điểm nhân khẩu học đối tượng tham gia nghiên cứu (n=308)**

	Tỷ lệ	%
<b>Tuổi</b>		
≤ 30 tuổi	83	26,95
30 - 40 tuổi	204	66,23
> 40 tuổi	21	6,82
<b>Giới tính</b>		
Nữ	162	52,6
Nam	146	47,4
<b>Tình trạng hôn nhân</b>		
Độc thân	42	13,64
Đã có gia đình	263	85,39
Ly thân/Ly dị/Góa	3	0,97
<b>Nơi sống hiện tại</b>		
Sống cùng gia đình	100	32,47
Sống trong ký túc xá	94	30,52
Thuê trọ cùng bạn bè/người thân	114	37,01
<b>Ngành học</b>		
Chẩn đoán hình ảnh	62	20,13
Gây mê hồi sức	18	5,84
Hồi sức cấp cứu	34	11,04
Ngoại khoa	22	7,14
Nội khoa	90	29,22
Sản phụ khoa	66	21,43
Truyền nhiễm	16	5,19

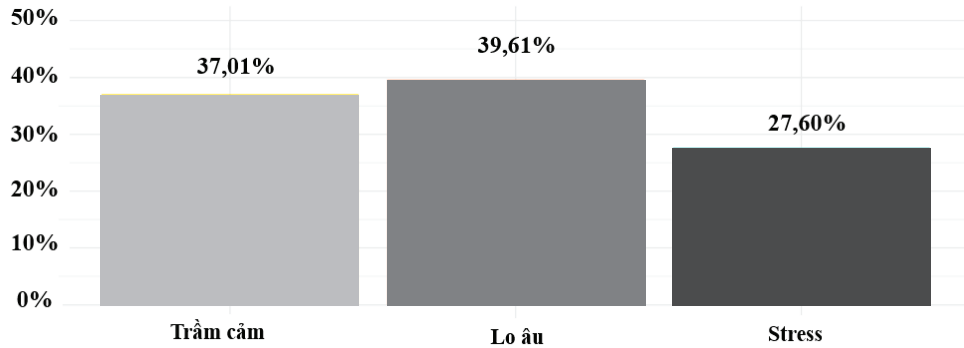
	Tỷ lệ	%
<b>Thường xuyên gặp rắc rối trong các mối quan hệ</b>		
Hiếm khi/ít khi	284	92,21
Thường xuyên hàng ngày	24	7,79
<b>Mắc bệnh mạn tính</b>		
Không	279	90,58
Có	29	9,42
<b>Tình trạng sức khỏe bản thân</b>		
Không khỏe	13	4,22
Bình thường	295	95,78
<b>Lo lắng về tài chính</b>		
Không	38	12,34
Có	270	87,66
<b>Làm thêm ngoài giờ</b>		
Không	201	65,26
Có	107	34,74
<b>Áp lực việc học lý thuyết trên trường</b>		
Không	227	73,70
Có	81	26,30
<b>Áp lực việc học lâm sàng, trực tại bệnh viện</b>		
Không	140	45,45
Có	168	54,55
<b>Áp lực việc thi cử</b>		
Không	111	36,04
Có	197	63,96

Nhận xét: Phần lớn đối tượng nghiên cứu là nữ (52,6%), với nhóm tuổi chủ yếu nằm trong khoảng từ 30 – 40 tuổi (66,23%) và hầu hết đã có gia đình (85,39%). Đa số đối tượng không hút thuốc lá (94,48%), tuy nhiên tỷ lệ sử dụng rượu khá cao (75,32%). Có 7,79% đối tượng tham gia nghiên cứu cho biết thường xuyên gặp rắc rối trong các mối quan hệ; 9,42% đối tượng có mắc các bệnh mạn tính và 4,22% cảm thấy bản thân không

khỏe. Phần lớn đối tượng không làm thêm ngoài giờ (65,26%) và có lo lắng về tài chính (87,66%). Mặc dù tỷ lệ đối tượng cảm thấy áp lực vì việc học lý thuyết trên trường không cao, chỉ 26,30% tuy nhiên tỷ lệ đối tượng cảm thấy áp lực vì việc học lâm sàng, trực tại bệnh viện chiếm 54,55% và tỷ lệ cảm thấy áp lực vì việc thi cử chiếm 63,96%.



**Biểu đồ 1: Tỷ lệ biểu hiện trầm cảm, lo âu, stress của học viên chuyên khoa I Đại học Y Hà Nội năm 2022 (n=308)**



Nhận xét: Biểu đồ 1 cho thấy trong tổng số 308 học viên chuyên khoa I tham gia nghiên cứu, có 37,01% có biểu hiện trầm cảm; 39,61% có biểu hiện lo âu và có 27,60% có biểu hiện stress.

**Bảng 2: Một số yếu tố liên quan đến trầm cảm, lo âu, stress ở học viên chuyên khoa I Đại học Y Hà Nội năm 2022 (n=308)**

Đặc điểm	Trầm cảm		Lo âu		Stress	
	cOR	95%KTC	cOR	95%KTC	cOR	95%KTC
<b>Tình trạng hôn nhân</b>						
Ly thân/ly dị/Góa	1	-	1	-	1	-
Độc thân	0,47	0,25-0,91**	0,84	0,44-1,63	0,39	0,20-0,76**
Đã có gia đình	1,82	0,15-21,62	2,67	0,22-31,75	2,42	0,20-28,80
<b>Thường xuyên gặp rắc rối trong các mối quan hệ</b>						
Hiếm khi/ít khi	1	-	1	-	1	-
Thường xuyên hàng ngày	7,56	2,74-30,87*	20,24	4,66-87,84*	12,55	4,51-34,90*
<b>Mắc bệnh mạn tính</b>						
Không	1	-	1	-	1	-
Có	1,95	0,90-4,20	2,00	0,93-4,34	2,34	1,07-5,09**
<b>Tình trạng sức khỏe bản thân</b>						
Không khỏe	1	-	1	-	1	-
Bình thường	0,25	0,07-0,82**	0,39	0,13-1,23	0,10	0,03-0,38**
<b>Lo lắng về tài chính</b>						
Không	1	-	1	-	1	-
Có	2,42	1,07-5,49**	2,32	1,06-5,09**	3,64	1,25-10,60**
<b>Làm thêm ngoài giờ</b>						
Không	1	-	1	-	1	-
Có	1,99	1,23-3,23**	1,99	1,23-3,21**	1,28	0,76-2,14

Đặc điểm	Trầm cảm		Lo âu		Stress	
	cOR	95%KTC	cOR	95%KTC	cOR	95%KTC
<b>Áp lực việc học lý thuyết trên trường</b>						
Không	1	-	1	-	1	-
Có	3,82	2,25-6,49*	3,74	2,20-6,35*	3,95	2,29-6,80*
<b>Áp lực việc học lâm sàng, trực tại bệnh viện</b>						
Không	1	-	1	-	1	-
Có	3,67	2,21-6,07*	3,43	2,10-5,60*	4,50	2,50-8,06*
<b>Áp lực việc thi cử</b>						
Không	1	-	1	-	1	-
Có	3,83	2,21-6,65*	4,89	2,79-8,54*	3,20	1,75-5,86*

cOR: Tỷ số chênh thô; KTC: Khoảng tin cậy

\* $p < 0,001$ , \*\* $p < 0,05$

Nhận xét: Kết quả mô hình hồi quy đơn biến cho thấy có một số yếu tố liên quan tới việc biểu hiện trầm cảm, lo âu, stress trong đó các yếu tố thường xuyên gặp rắc rối trong các mối quan hệ, lo lắng về tài chính, có làm thêm ngoài giờ, có gặp áp lực việc học lý thuyết trên trường, áp lực việc học lâm sàng, trực tại bệnh viện và áp lực thi cử làm tăng biểu hiện trầm cảm, lo âu, stress. Các mối liên quan đều có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

#### 4. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ học viên chuyên khoa I có biểu hiện trầm cảm, lo âu, stress lần lượt là 37,01%; 39,61% và 27,60%, phát hiện này cao hơn so với số liệu trong nghiên cứu được thực hiện trong đợt thứ tư của COVID-19. So với các quốc gia khác phát hiện thấp hơn đã được tìm thấy ở Trung Quốc (23,6%, 27,4% và 16,3%), Hàn Quốc (30,6%, 41%, và 19,4%)[6]. Tuy nhiên, số liệu trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu được thực hiện tại Brazil (lần lượt là 38,4%; 53,8% và 40,3%), Tây Bắc Ethiopia (55,3%; 69,6% và 20,5%)[7]. Tỷ lệ trầm cảm, lo lắng và stress cao hơn đã được quan sát thấy ở trong nghiên cứu của chúng tôi lẽ là do sự khác biệt về địa lý giữa các nước phương Đông và phương Tây có nền văn hóa và môi trường làm việc khác nhau.

Tình trạng hôn nhân được phát hiện có mối liên hệ tới tỷ lệ trầm cảm, lo âu hoặc stress ở các học viên chuyên

khoa I. Một nghiên cứu trước đây cho rằng hôn nhân là yếu tố bảo vệ chống lại đau khổ về mặt tâm lý[8]. Tương tự, một nghiên cứu giữa các bác sĩ một năm sau khi tốt nghiệp ở Na Uy nhấn mạnh đến việc có một mối quan hệ ổn định như một yếu tố dự báo mạnh mẽ về việc không có ý định và kế hoạch tự tử[9]. Mặt khác, nghiên cứu giữa các quan chức nội vụ Malaysia cũng cho thấy rằng tình trạng hôn nhân không có mối tương quan với tỷ lệ lo âu[10]. Những phát hiện không nhất quán có thể cho thấy tình trạng hôn nhân được bối cảnh hóa và có thể bị ảnh hưởng bởi các nền văn hóa và chuẩn mực của xã hội.

Ngoài ra, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy áp lực học lý thuyết trên trường, áp lực việc học lâm sàng, trực tại bệnh viện và thi cử đã làm tăng nguy cơ xuất hiện biểu hiện trầm cảm, lo âu, stress. Điều này có thể lý giải rằng những người hành nghề Y tế với tư cách là một cộng đồng dân cư phải đối mặt với những yếu tố rủi ro nghề nghiệp. Hơn nữa các học viên chuyên khoa I phải đối mặt việc học tập trong một môi trường nghiêm ngặt, khối lượng kiến thức lớn, lịch thi dày đặc, ngoài học lý thuyết trên giảng đường học viên còn phải thực hành lâm sàng hay trực tại bệnh viện, do đó áp lực và căng thẳng mà học viên ngành Y khoa phải chịu lại càng lớn hơn nữa.

Bên cạnh đó, nghiên cứu của chúng tôi có hạn chế, vì thiết kế nghiên cứu là nghiên cứu cắt ngang nên không cho phép suy ra mối quan hệ nhân quả. Tuy nhiên, từ việc áp dụng DASS-21 trong số các học viên chuyên khoa I, có thể biết được thực tế mà những cá nhân này đã trải qua. Ngoài ra, tính hợp lệ và độ tin cậy của dữ





liệu thu được đã được xác nhận, điều này chứng tỏ tính chính xác của kết quả. Điều đáng chú ý là thông tin thu được có thể đóng vai trò là hướng dẫn cho các nhà quản lý và chính quyền phát triển các chiến lược can thiệp và chăm sóc sức khỏe tâm thần.

## 5. KẾT LUẬN

Tình trạng sức khỏe tâm thần của học viên Chuyên khoa I tại Đại học Y Hà Nội năm 2022 đa phần ở mức bình thường với tỷ lệ biểu hiện trầm cảm (37,01%), lo âu (39,61%) và stress (27,60%). Yếu tố liên quan đến biểu hiện trầm cảm, lo âu, stress bao gồm tình trạng hôn nhân, thường xuyên gặp rắc rối trong các mối quan hệ, bệnh mãn tính, tình trạng sức khỏe bản thân, lo lắng về tài chính, làm thêm ngoài giờ, áp lực việc học lý thuyết trên trường, áp lực việc học lâm sàng, trực tại bệnh viện và áp lực thi cử. Do đó, cần quan tâm đến các yếu tố ảnh hưởng để đưa ra các chính sách hỗ trợ giúp học viên Chuyên khoa I ứng phó với vấn đề sức khỏe tâm thần, góp phần xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cho ngành Y tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Promoting mental health: concepts, emerging evidence, practice. Accessed: Oct. 31, 2023. [Online]. Available: <https://www.who.int/publications-detail-redirect/9241562943>
- [2] Yusoff MSB, Jie TY, Esa AR, Stress, stressors and coping strategies among house officers in a Malaysian hospital. *ASEAN Journal of Psychiatry*; 12(1), 2011, pp. 85–94.
- [3] Sen S et al., A prospective cohort study investigating factors associated with depression during medical internship. *Arch Gen Psychiatry*; 67(6), 2010, pp. 557–565.
- [4] Nguyễn Việt Anh, Thực trạng stress, lo âu, trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở sinh viên răng hàm mặt trường Đại học Y Hà Nội năm 2020 - 2021; Accessed: Oct. 31, 2023; [Online]. Available: <http://dulieuso.hmu.edu.vn/handle/hmu/2700>.
- [5] Tran TD, Tran T, Fisher J, Validation of the depression anxiety stress scales (DASS) 21 as a screening instrument for depression and anxiety in a rural community-based cohort of northern Vietnamese women; *BMC Psychiatry*; 2013; 13:p. 24.
- [6] Kim MY, Yang YY, Mental Health Status and Its Influencing Factors: The Case of Nurses Working in COVID-19 Hospitals in South Korea. *Int J Environ Res Public Health*; 18(12), 2021, p. 6531.
- [7] Mekonen E, Shetie B, Muluneh N, The Psychological Impact of COVID-19 Outbreak on Nurses Working in the Northwest of Amhara Regional State Referral Hospitals, Northwest Ethiopia; *Psychol Res Behav Manag*; 13, 2020, pp. 1353–1364.
- [8] Farahmand S, Karimialavijeh E, Vahedi HSM et al., Emergency medicine as a growing career in Iran: an Internet-based survey; *World J Emerg Med*; 7(3), 2016, pp. 196–202.
- [9] Tyssen R, Vaglum P, Grønvold NT et al., Suicidal ideation among medical students and young physicians: a nationwide and prospective study of prevalence and predictors; *J Affect Disord*; 64(1), 2001, pp. 69–79.
- [10] Burbeck R, Coomber S, Robinson SM et al., Occupational stress in consultants in accident and emergency medicine: a national survey of levels of stress at work; *Emerg Med J*; 19(3), 2002, pp. 234–238.